

CHƯƠNG TRÌNH THI TUYỂN NGÂN HÀNG BIDV
BÀI THI TUYỂN DỤNG VỊ TRÍ GIAO DỊCH VIÊN
Môn thi: Nghiệp vụ Tổng hợp

Họ và tên:.....

Ngày sinh:

Điện thoại:.....

Email:.....

Ngày thi:.....

Hướng dẫn:

1. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm.
2. Mỗi câu chỉ có **MỘT** đáp án đúng.
3. Trả lời bằng cách **khoanh tròn** vào đáp án Anh/Chị cho là đúng ở **Phiếu trả lời trắc nghiệm**.



I. Phần IQ (Tổng điểm: 10 điểm; 1 điểm/câu)

Câu 1: Số nào tiếp theo trong dãy:

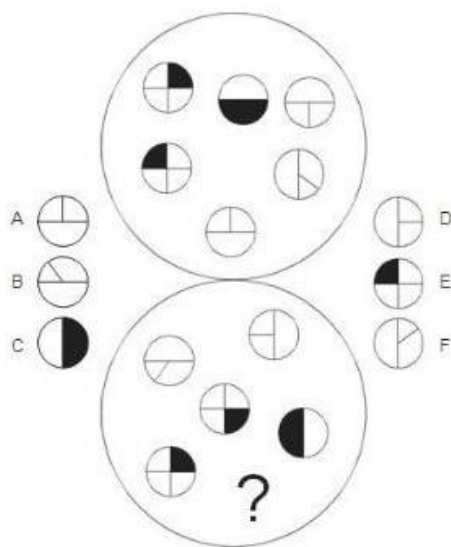
210, 245, 320, 355, 430, 505, 540, 615?

- A. 645
- B. 650
- C. 655
- D. 700

Câu 2: Ngày hôm trước của ngày trước ngày hôm qua là ba ngày sau ngày Thứ Bảy. Hỏi hôm nay là ngày thứ mấy?

- A. Thứ Năm
- B. Thứ Sáu
- C. Thứ Bảy
- D. Thứ Tư

Câu 3: Hình nào cần điền vào chỗ trống:



- a. Hình B
- b. Hình A
- c. Hình E
- d. Hình C
- e. Hình F
- f. Hình D

Câu 4: Điền số thích hợp vào dấu ?

7	6	5	7	6	3
4	9	2	8	1	9
1	3	7	3	2	7
3	8	4	9	9	5
5	4	2	3	2	?

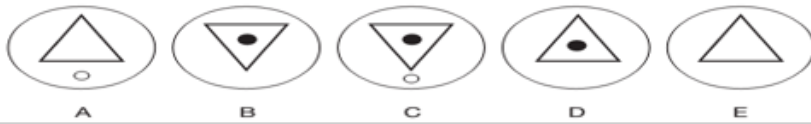
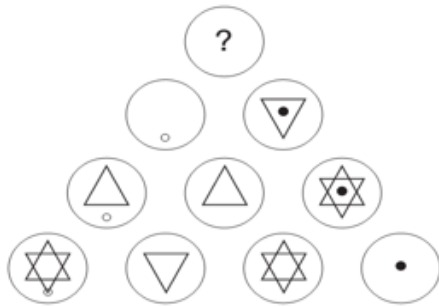
- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 5: Số nào sẽ thay thế cho dấu chấm hỏi?

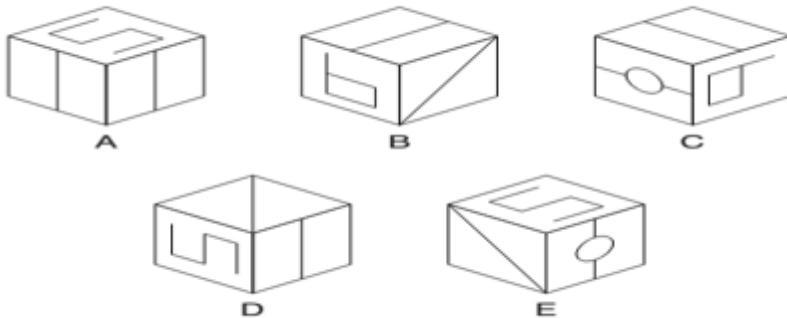
8	5	21
35	32	12
32	28	31
4	?	28

- A. -2
- B. -6
- C. 3
- D. 48

Câu 6: Hình nào còn thiếu:



Câu 7: Hình hộp nào sẽ được tạo thành từ hình dưới đây:



Câu 8: Cho 1\$ mua 1 chai nước, 2 vỏ chai không đổi 1 chai nước. Hỏi 1 người có 20\$ sẽ có mấy chai nước:

- a. 38
- b. 39
- c. 40

d. 41

Câu 9: Một người trồng hoa quả trên diện tích đất 1350m² theo tỉ lệ 5:3:1. Nếu người này thay đổi tỉ lệ là 2:4:3 thì diện tích trồng hoa quả tăng thêm là bao nhiêu:

a. 2 lần

b. 3 lần

c. 4 lần

d. 5 lần

Câu 10: Số nào thay cho dấu ? : 867, 488, 324, 63, ? :

a. 186

b. 94

c. 206

d. 37

II. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Câu 1: Khi chi phí lao động chiếm tỉ lệ lớn trong tổng chi phí, các điều kiện khác không đổi, điều nào dưới đây là đúng?

- A. Cầu lao động co giãn hơn
- B. Cầu lao động ít co giãn hơn
- C. Cung lao động rất co giãn
- D. Cung lao động ít co giãn

Câu 2: Nhận định nào dưới đây có tính chuẩn tắc?

- A. Việc phát hành quá nhiều tiền sẽ gây ra lạm phát
- B. Mọi người làm việc chăm chỉ hơn nếu tiền lương cao hơn
- C. Cần cắt giảm tỉ lệ thất nghiệp
- D. Thâm hụt ngân sách chính phủ sẽ làm mất giá đồng bản tệ

Câu 3: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự được xác định như thế nào?

- A. 1 năm kể từ ngày phát hiện hành vi xâm phạm
- B. 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm
- C. 3 năm kể từ ngày phát hiện hành vi xâm phạm
- D. Vô thời hạn

Câu 4: Xét theo tác dụng của các khoản thu đối với quá trình cân đối ngân sách, khoản thu về bán và cho thuê tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước được tính vào nguồn thu nào?

- A. Thu trong cân đối Ngân sách nhà nước
- B. Thu để bù đắp thiếu hụt của Ngân sách nhà nước
- C. Cả hai phương án trên đều đúng
- D. Cả hai phương án trên đều sai

Câu 5: Trong những nhận định sau đây về lãi suất liên ngân hàng, nhận định nào đúng?

- A. Là lãi suất mà ngân hàng thương mại trả cho người gửi tiền trên số tiền ở tài khoản tiền gửi tiết kiệm
- B. Là lãi suất được xác định dựa trên cơ sở lãi suất tiền gửi
- C. Là lãi suất mà ngân hàng thương mại thu được từ các khoản vay
- D. Là lãi suất mà các ngân hàng cho nhau vay nhằm giải quyết nhu cầu vốn ngắn hạn trên các thị trường tiền tệ

Câu 6: Ngân hàng có thể ghi có ngay vào tài khoản tiền gửi khi chủ tài khoản là người bán hàng xuất trình loại séc nào dưới đây?

- A. Séc chuyển khoản
- B. Séc rút tiền mặt
- C. Séc bảo chi
- D. Séc du lịch

Câu 7: Trong các loại hình tín dụng dưới đây, loại hình nào có lãi suất và/ hoặc phí phải trả cho các tổ chức tín dụng thấp nhất?

- A. Cho vay
- B. Chiết khấu
- C. Cho thuê
- D. Bảo lãnh

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây là chính xác?

- A. Rủi ro của công ty càng cao khi công ty càng ít sử dụng nợ
- B. Vòng quay hàng tồn kho của công ty càng cao thì càng phải thu khách hàng của công ty càng cao
- C. Tỷ số thanh toán đo lường khả năng trả nợ dài hạn của công ty
- D. Mức độ sử dụng nợ của công ty càng thấp thì mức độ rủi ro của công ty càng thấp

Câu 9: Vòng quay hàng tồn kho của một công ty càng thấp thì hiệu quả hoạt động của công ty đó?

- A. Càng cao

- B. Càng thấp
- C. Càng gần mức trung bình ngành
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 10: Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu từ thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất:

- A. 5%
- B. 10%
- C. 15%
- D. 20%

Câu 11: Kỳ kế toán năm của ngân hàng được xác định theo?

- A. Năm dương lịch
- B. Năm hoạt động
- C. A và B đều đúng
- D. A hoặc B

Câu 12: Tính chất số dư của tài khoản nào không giống các tài khoản còn lại?

- A. Chi phí dự phòng rủi ro
- B. Dự phòng rủi ro tín dụng
- C. Quỹ dự phòng tài chính
- D. Tiền gửi thanh toán của khách hàng

Câu 13: Trích khấu hao tài sản cố định sẽ làm

- A. Giảm vốn chủ sở hữu
- B. Giảm tổng tài sản của ngân hàng
- C. Phương án A và B đúng (không chắc chắn)
- D. Phương án A và B sai

Câu 14: Việc khách hàng đề nghị ký kết các hợp đồng giao dịch ngoại tệ kì hạn làm ảnh hưởng như thế nào đến Bảng Cân đối tài khoản kế toán của ngân hàng?

- A. Làm phát sinh Nợ phải trả trong Bảng Cân đối tài khoản kế toán của ngân hàng
- B. Làm phát sinh khoản mục Đầu tư trong Bảng Cân đối tài khoản kế toán của ngân hàng
- C. Làm phát sinh Nợ phải trả và Đầu tư trong Bảng Cân đối tài khoản kế toán của ngân hàng
- D. Không làm thay đổi cấu trúc và số dư Bảng Cân đối tài khoản kế toán của ngân hàng

Câu 15: Trên Bảng Cân đối kế toán ngân hàng luôn phản ánh giá trị phát hành giấy tờ có giá theo:

- A. Mệnh giá trừ (-) chiết khấu giấy tờ có giá cộng (+) phụ trội giấy tờ có giá
- B. Số tiền thực tế ngân hàng thu về khi phát hành (chưa trừ số tiền lãi trả trước- nếu có)
- C. Mệnh giá và lãi
- D. Lãi

Câu 16: Doanh nghiệp B có hợp đồng bán hàng cho khách hàng A là 20 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm bàn giao hàng, do chất lượng không đạt tiêu chuẩn ban đầu, bị khách hàng phản ánh, nên doanh nghiệp phải thực hiện giảm giá hàng bán. Tổng số tiền giảm giá là 1 tỷ đồng. Hóa đơn ghi theo giá đã giảm. Kế toán doanh nghiệp B ghi nhận doanh thu như thế nào?

- A. 20 tỷ đồng doanh thu hàng bán
- B. 19 tỉ đồng doanh thu hàng bán
- C. 20 tỉ đồng doanh thu hàng bán và 1 tỷ đồng chi phí khác
- D. 20 tỷ đồng doanh thu hàng bán và 1 tỷ đồng hàng bị trả lại

Câu 17: Công ty A mua một ngôi nhà trị giá 12 tỷ đồng. Chi phí phải bỏ ra để sửa chữa trước khi sử dụng là 2 tỷ đồng. Chi phí sửa chữa này được tính vào?

- A. Chi phí sửa chữa trong kỳ
- B. Chi phí chờ phân bổ
- C. Nguyên giá tài sản
- D. Không có phương án nào chính xác

Câu 18: Công ty Y trả tiền cho công ty X vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng. Kế toán công ty X đã xác nhận được báo có của ngân hàng nhưng chưa nhận được thông tin xác nhận từ công ty Y, kế toán công ty X xử lý hoạch toán như thế nào?

- A. Hoạch toán tăng gửi tại ngân hàng
- B. Chưa hoạch toán, đợi nhận được UNC do công ty Y gửi
- C. Hoạch toán doanh thu chờ phân, đợi xác nhận của công ty Y để hoạch toán tăng tiền gửi tại ngân hàng
- D. Hoạch toán tăng tài khoản tiền đang chuyên, chờ xác nhận của công ty Y

Câu 19: Trong tháng 7, công ty Z mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHTM A và được cấp hạn mức thấu chi với số tiền 1 tỷ đồng (kỳ hạn 1 năm). Trong tháng 7, tài khoản tiền gửi thanh toán của công ty Z phát sinh những giao dịch sau: nộp tiền mặt vào tài khoản 700 triệu đồng; nhận báo có thanh toán tiền hàng của tháng 5, 6 qua tài khoản số tiền 500

triệu đồng; thanh toán lương cho cán bộ từ tài khoản 200 triệu đồng; thanh toán tiền mua hàng hóa 1,200 triệu đồng. Kế toán công ty Z ghi nhận số dư cuối tháng 7 của tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng là?

- A. Một khoản tiền gửi
- B. Một khoản tiền vay
- C. Không ghi nhận
- D. Đối ngân hàng báo số dư

Câu 20: Đầu là phương pháp tính giá trị công cụ, dụng cụ tồn kho nào không được phép thực hiện theo quy định Chế độ kế toán Việt Nam?

- A. Nhập sau- Xuất trước
- B. Nhập trước- Xuất sau
- C. Thực tế đích danh
- D. Bình quân gia quyền

Câu 21: Kế toán sẽ xử lý như thế nào khi phát hiện ghi sai số tiền chi tiết trên chứng từ nhưng không sai số tổng cộng trên chứng từ?

- A. Dùng bút xóa để sửa lại
- B. Gạch bỏ chỗ sai bằng 1 đường thẳng, sau đó ghi số tiền đúng phía trên
- C. Gạch bỏ chỗ sai bằng 1 đường thẳng, sau đó ghi số tiền đúng ở phía trên. Kế toán trưởng kí bên cạnh nội dung chỉnh sửa
- D. Không đáp án nào đúng

Câu 22: Ngân hàng hoạch toán dự thu lãi cho vay bằng ngoại tệ hằng ngày. Thu nhập lãi cho vay bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỉ giá nào?

- A. Tỷ giá hối đoái tại ngày ngân hàng lập báo cáo
- B. Tỷ giá hối đoái bình quân trong kì báo cáo
- C. Tỷ giá hối đoái tại ngày hạch toán
- D. Tỷ giá hối đoái tại ngày cuối tháng

Câu 23: Hồ sơ chuyển tiền quốc tế cho giao dịch chuyển ngoại tệ ra nước ngoài với mục đích nộp học phí vào trường đại học là:

- A. Lệnh chuyển tiền
- B. Bảo sao Hộ chiếu và visa của du học sinh
- C. Thông báo thu học phí của trường đại học tại nước ngoài
- D. Cả 3 tài liệu trên

Câu 24: Giao dịch viên (GDV) thu tiền mặt của khách hàng, phát hiện 1 tờ 500 nghìn đồng bị rách không đủ tiêu chuẩn lưu thông. GDV xử lí như thế nào?

- A. Thông báo để khách hàng đổi tờ tiền khác hoặc nộp thêm phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông
- B. Hướng dẫn khách hàng nộp phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông
- C. Thu giữ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và hướng dẫn khách hàng nộp bổ sung 500 nghìn đồng
- D. Yêu cầu khách hàng đổi tờ 500 nghìn đồng khác

Câu 25: Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 về Doanh thu và thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ hoạt động nào?

- A. Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ; Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- B. Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kì trước; Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập
- C. Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- D. Tất cả các khoản thu trên

Câu 26: Đơn vị tính sử dụng trong kế toán quản trị là?

- A. Đơn vị tiền tệ
- B. Đơn vị tiền tệ hoặc đơn vị hiện vật
- C. Đơn vị hiện vật, thời gian lao động
- D. Đơn vị tiền tệ, đơn vị hiện vật, thời gian lao động hoặc các đơn vị tính khác

Câu 27: Đơn vị nào sau đây không có quyền tạm giữ hoặc tịch thu chứng từ kế toán của đơn vị kế toán?

- A. Văn phòng luật sư
- B. Tòa án nhân dân
- C. Cục thuế
- D. Cục Thi hành án dân sự

Câu 28: Khi thực hiện hoàn nhập dự phòng, rủi ro tín dụng, số phải trích trong kì nhỏ hơn số đã trích (đã hoạch toán vào chi phí trong kì), tài khoản kế toán nào không phải sử dụng để hoạch toán?

- A. Tài khoản Dự phòng thích hợp
- B. Tài khoản Thu nhập khác
- C. Tài khoản Chi dự phòng nợ phải thu khó đòi
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 29: Tài khoản nào sau đây không phải là tài khoản nguồn vốn của ngân hàng?

- A. Tài khoản Lãi phải trả cho tiền vay

- B. Tài khoản Nhận vốn để cho vay đồng tài trợ bằng đồng VN
- C. Tài khoản Dự phòng rủi ro tín dụng
- D. Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Câu 30: Trường hợp phát hiện sổ kế toán có sai sót sau khi báo cáo tài chính năm đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải thực hiện điều chỉnh như thế nào?

- A. Sửa chữa trên sổ kế toán của năm có sai sót
- B. Sửa chữa trên sổ kế toán của năm đã phát hiện sai sót
- C. Sửa chữa trên sổ kế toán của năm đã phát hiện sai sót và thuyết minh về việc sửa chữa này
- D. Lập lại bộ sổ mới và lập lại BCTC gửi cơ quan nhà nước

Câu 31: Đến hạn, khách hàng nộp một số kỳ phiếu ngân hàng trả lãi trước đề nghị tất toán, nhận bằng tiền mặt. Biết rằng khi phát hành số kỳ phiếu trên, ngân hàng phát hành có chiết khấu. Kế toán hạch toán bút toán tất toán kỳ phiếu cho khách hàng như thế nào?

- A. Nợ TK mệnh giá GTCG

Có TK tiền mặt

- B. Có TK mệnh giá GTCG

Nợ TK Chiết khấu GTCG

Có TK tiền mặt

- C. Nợ TK Mệnh giá GTCG

Có TK Chiết khấu GTCG

Có TK tiền mặt

- D. Tất cả đều sai

Câu 32: Cuối tháng khi xác định kết quả hoạt động kinh doanh ngoại tệ, nếu kết quả kinh doanh có lỗ, kế toán sẽ hoạch toán?

- A. Nợ TK Thanh toán mua bán ngoại tệ kinh doanh

Có TK Thu về kinh doanh ngoại tệ

- B. Nợ TK Chi về kinh doanh ngoại tệ

Có TK Thanh toán mua bán ngoại tệ kinh doanh

- C. Nợ TK Mua bán ngoại tệ kinh doanh

Có TK Thu về kinh doanh ngoại tệ

- D. Nợ TK Chi về kinh doanh ngoại tệ

Có TK mua bán ngoại tệ kinh doanh

Câu 33: NHTM A nhận được báo cáo Có của NH Nhà nước tỉnh (thành phố) chuyển số vốn góp cho vay đồng tài trợ của NHTM N (cùng tham gia thanh toán bù trừ), số tiền 550 triệu đồng, NHTM A hạch toán:

- A. Nợ TK Góp vốn đồng tài trợ: 550 triệu
Có TKTG tại NHNN: 550 triệu
- B. Nợ TKTG tại NHNN: 550 triệu
Có TK Góp vốn đồng tài trợ: 550 triệu
- C. Nợ TK nhận vốn để cho vay đồng tài trợ: 550 triệu
Có TKTG tại NHNN: 550 triệu
- D. Nợ TKTG tại NHNN: 550 triệu
Có TK nhận vốn để cho vay đồng tài trợ: 550 triệu

Câu 34: Khách hàng rút tiền gửi tiết kiệm đến hạn: gốc 400 triệu đồng và lãi 55 triệu đồng. Một phần số tiền rút khách hàng dùng để mua 20 trái phiếu của ngân hàng, mệnh giá 10 triệu đồng/ trái phiếu. Số tiền còn lại đề nghị ngân hàng chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán mở tại ngân hàng. Hạch toán nghiệp vụ trên biết ngân hàng đã hạch toán dự trả số lãi tiền gửi tiết kiệm khách hàng được hưởng?

- A. Nợ TK Tiền gửi tiết kiệm 400 triệu đồng
Nợ TK chi phí trả lãi 55 triệu đồng
Có TK Phát hành giấy tờ có giá 200 triệu đồng
Có TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng 255 triệu đồng
- B. Nợ TK Tiền gửi tiết kiệm 400 triệu đồng
Nợ TK Lãi phải trả 55 triệu đồng
Có TK Phát hành giấy tờ có giá 200 triệu đồng
Có TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng 255 triệu đồng
- C. Nợ TK Phát hành giấy tờ có giá 200 triệu đồng
Nợ TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng 255 triệu đồng
Có TK Tiền gửi tiết kiệm 400 triệu đồng
Có TK Chi phí trả lãi 55 triệu đồng
- D. Nợ TK phát hành giấy tờ có giá 200 triệu đồng
Nợ TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng 255 triệu đồng
Có TK Tiền gửi tiết kiệm 400 triệu đồng
Có TK Lãi phải trả 55 triệu đồng

Câu 35: Ngân Hàng cấp một hạn mức thấu chi trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng, số tiền 400 triệu đồng. Bút hạch toán:

- A. Nợ TK Cho vay khách hàng/ Có TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng: 400 triệu đồng
- B. Nợ TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng/ Có TK Cho vay khách hàng: 400 triệu đồng
- C. Nợ TK Cho vay khách hàng/ Có TK Phải trả khách hàng: 400 triệu đồng
- D. Không phải hạch toán

Câu 36: Bảng cân đối tài khoản kế toán của ngân hàng tại ngày 31/12 có số dư như sau:

Tiền mặt: 340 tỷ đồng

Cho vay khách hàng: 450 tỷ đồng

Tiền gửi của khách hàng: 542 tỷ đồng

Phát hành giấy tờ có giá: 150 tỷ đồng

Nguyên giá TSCĐ: 20 tỷ đồng

Hao mòn TSCĐ: 190 tỷ đồng

Phải thu khác bên ngoài: 45 tỷ đồng

Lãi, phí phải thu: 130 tỷ đồng

Đầu tư dài hạn: 32 tỷ đồng

Dự phòng đầu tư dài hạn: 12 tỷ đồng

Phải trả khác bên ngoài: 50 tỷ đồng

Tính tổng tài sản trên BCTC ngân hàng ngày 31/12

- A. 1.025 tỷ đồng
- B. 1.037 tỷ đồng
- C. 1.429 tỷ đồng
- D. Đáp án khác

Câu 37: Tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty A có số dư đầu ngày là 30 triệu đồng. Ngân hàng cấp cho công ty A hạn mức thấu chi trên tài khoản là 1 tỷ đồng. Trong ngày, công ty A đã thực hiện chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán cho người thụ hưởng có tài khoản tại ngân hàng, số tiền 450 triệu. Xác định ảnh hưởng của nghiệp vụ trên đến tổng tài sản ngân hàng tại cuối ngày giao dịch?

- A. Tăng tổng tài sản 1 tỷ đồng
- B. Tăng tổng tài sản 450 tỷ đồng
- C. Tăng tổng tài sản 420 triệu đồng
- D. Giảm tổng tài sản 420 triệu đồng

Câu 38: Ngân hàng mua 1 ô tô nguyên giá là 1 tỷ đồng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Thời gian sử dụng hữu ích của ô tô là 5 năm. Ngân hàng sử dụng tỷ lệ khấu hao nhanh

theo phương pháp số dư giảm dần là 40%. Giá trị còn lại của TSCĐ tại nrm thứ 5 là bao nhiêu (đã tính và trích khấu hao 4 năm)?

- A. 200 triệu đồng
- B. 129,6 triệu đồng
- C. 108 triệu đồng
- D. 86,4 triệu đồng

Câu 39: Khách hàng yêu cầu nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng, số lượng tiền mặt như sau:

- 55 thếp tiền 500 nghìn đồng
- 100 thếp tiền 200 nghìn đồng
- 19 thếp tiền 100 nghìn đồng
- 25 thếp tiền 50 nghìn đồng
- 35 thếp tiền 20 nghìn đồng

(1 thếp = 100 tờ)

Phí kiểm đếm là 0.05% số tiền nộp, tối đa 1 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT 10%). GDV thu phí từ trong số tiền khách hàng nộp vào tài khoản tiền gửi. Tính số tiền ghi Có tài khoản tiền gửi của khách hàng?

- A. 5.132.175.750 đồng
- B. 5.133.900.000 đồng
- C. 3.333.900.000 đồng
- D. Không có phương án nào đúng

Câu 40: Tại thời điểm tính trích dự phòng, dư nợ các nhóm vay của ngân hàng như sau:

- Dư nợ nhóm 1: 6500 tỷ đồng
- Dư nợ nhóm 2: 500 tỷ đồng
- Dư nợ nhóm 3: 420 tỷ đồng
- Dư nợ nhóm 4: 130 tỷ đồng
- Dư nợ nhóm 5: 450 tỷ đồng

Tính dự phòng chung phải trích?

- A. 600 tỷ đồng
- B. 60 tỷ đồng
- C. 56,625 tỷ đồng
- D. 6 tỷ đồng

Câu 41: Ngày 25/5, ông Nam đến Ngân hàng yêu cầu GDV thực hiện các giao dịch sau:

- Chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán số 1 cho người thụ hưởng có tài khoản

mở tại ngân hàng khác, số tiền: 760 triệu đồng

- Đóng tài khoản số 1 và chuyển toàn bộ số tiền sang tài khoản số 2. Tính số tiền được chuyển sang tài khoản số 2, biết tài khoản số 1 có số dư từ ngày 1/5 đến đầu ngày 25/5 là 960 triệu đồng, hưởng lãi suất 0.1%/tháng, trả lãi định kỳ cuối tháng vào tài khoản. Ngân hàng dự trả lãi hàng ngày, cơ sở tính lãi 30 ngày.

- A. 200,775 triệu đồng
- B. 200,768 triệu đồng
- C. 200 triệu đồng
- D. Kết quả khác

Câu 42: Thủ quỹ xuất kho 300 quyển ấn chỉ (Ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền mặt...). Tính giá trị ấn chỉ xuất kho, biết ngân hàng tính giá nguyên vật liệu theo **phương pháp bình quân gia quyền, số dư đầu kỳ ấn chỉ trong kho là 2.000 quyển, đơn giá**

24.000đồng/quyển, trong kỳ đã nhập kho thêm 500 quyển, đơn giá 26.000đồng/quyển.

- A. 7,2 triệu đồng
- B. 7,32 triệu đồng
- C. 7,5 triệu đồng
- D. Kết quả khác.

Câu 43: Tổng doanh thu phí dịch vụ từ khách hàng doanh nghiệp trong kỳ của Ngân hàng là 300 tỷ đồng. Ngân hàng thực hiện phân bổ doanh thu phí dịch vụ theo đối tượng khách hàng: VIP, Tập đoàn, Doanh nghiệp SMI trên cơ sở chi phí dịch vụ tiếp thị khuyến mại. Tính số phí dịch vụ thu từ đối tượng khách hàng VIP biết số chi phí dịch vụ tiếp thị khuyến mại của ngân hàng lần lượt cho các đối tượng khách hàng trên là: 34 tỷ đồng, 30 tỷ đồng, 36 tỷ đồng.

- A. 90 tỷ đồng
- B. 100 tỷ đồng
- C. 102 tỷ đồng
- D. Kết quả khác

Bài tập lớn: Trong ngày 31/12/2015, tại Ngân hàng TMCP AB phát sinh các nghiệp vụ sau:

Câu 44: Khách hàng nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng, số tiền 300 triệu đồng

- A. Nợ TK Tiền mặt: 300 triệu đồng

Có TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng: 300 triệu đồng

- B. Nợ TK Tiền mặt: 300 triệu đồng
 Có TK Tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước: 300 triệu đồng
- C. Nợ TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng: 300 triệu đồng
 Có TK Tiền mặt: 300 triệu đồng
- D. Nợ TK Tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước: 300 triệu đồng
 Có TK Tiền mặt: 300 triệu đồng

Câu 45: Cho vay khách hàng số tiền 640 triệu đồng, giải ngân cho người thụ hưởng cso tài khoản mở tại ngân hàng VN theo kênh thanh toán song phương?

- A. Nợ TK Cho vay khách hàng: 640 triệu đồng
 Có TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng: 640 triệu đồng
- B. Nợ TK Tiền gửi thanh toán mở tại TCTD khác: 640 triệu đồng
 Có TK Cho vay Khách hàng: 640 triệu đồng
- C. Nợ TK Cho vay Khách hàng: 640 triệu đồng
 Có TK Phải trả trong thanh toán song phương: 640 triệu đồng
- D. Nợ TK Cho vay khách hàng: 640 triệu đồng
 Có TK Tiền mặt: 640 triệu đồng

Câu 46: Khách hàng gửi tiết kiệm trả lãi trước bằng tiền mặt. Số tiền gửi 200 triệu đồng lãi suất 5%/ năm; kỳ hạn 12 tháng. Ngân hàng phân bổ lãi định kỳ vào đầu tháng.

- A. Nợ TK Tiền mặt: 200 triệu đồng
 Có TK Tiền gửi tiết kiệm của Khách hàng: 200 triệu đồng
- B. Nợ TK Tiền mặt: 200 triệu đồng
 Có TK Tiền gửi tiết kiệm của Khách hàng: 190 triệu đồng
 Có TK Lãi phải trả: 10 triệu đồng
- C. Nợ TK Tiền mặt: 200 triệu đồng
 Có TK Chi phí lãi phải trả: 10 triệu đồng
 Có TK Tiền gửi tiết kiệm của Khách hàng: 190 triệu đồng
- D. Nợ TK Tiền mặt: 190 triệu đồng
 Nợ TK Chi phí lãi chờ phân bổ: 10 triệu đồng
 Có TK Tiền gửi tiết kiệm của Khách hàng: 200 triệu đồng

Câu 47: Ngân hàng chi thưởng Tết dương lịch cho cán bộ bằng tiền mặt, trích từ quỹ Khen thưởng phúc lợi của năm, số tiền 10 triệu đồng/cán bộ. Biết số lượng cán bộ của Ngân hàng là 1200 người.

- A. Nợ TK Quỹ khen thưởng phúc lợi: 12 tỷ đồng
 Có TK Tiền mặt: 12 tỷ đồng

B. Nợ TK Chi phí khen thưởng phúc lợi: 12 tỷ đồng

Có TK Tiền mặt: 12 tỷ đồng

C. Nợ TK Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1,2 tỷ đồng

Có TK Tiền mặt: 1,2 tỷ đồng

D. Kết quả khác.

Câu 48: Ngân hàng thanh lý 12 máy in chứng từ. Giá mua ban đầu là 12 triệu đồng/máy, chưa bao gồm VAT 10%, thuế VAT đầu vào được khấu trừ. Giá thanh lý 4 triệu đồng/máy, chưa bao gồm VAT 10%. Người mua thanh toán tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Ngân hàng mở tại NHNN. Toàn bộ giá trị 12 máy in chứng từ đã được phản ánh vào chi phí ngân hàng.

A. Nợ TK Chi phí khác: 96 triệu đồng

Có TK Nguyên giá "Máy in chứng từ": 96 triệu đồng.

B. Nợ TK Tiền gửi thanh toán tại NHNN: 52,8 triệu đồng

Có TK Thu nhập khác: 48 triệu đồng

Có TK VAT đầu ra: 4,8 triệu đồng

C. A và B

D. Kết quả khác

Câu 49: Ngân hàng chuyển nhóm một số khoản vay cho khách hàng từ nhóm I sang Nhóm II. Tổng dư nợ bị chuyển nhóm là 30 tỷ đồng, số lãi đang dự thu chưa thu được đến thời điểm chuyển nhóm là 593 triệu đồng (toàn bộ đã ghi nhận vào thu nhập lãi trong năm).

A. Nợ TK Cho vay khách hàng Nhóm II: 30 tỷ đồng

Có TK Cho vay khách hàng Nhóm II: 30 tỷ đồng

B. 1, Nợ TK Thu nhập lãi cho vay KH: 593 triệu đồng

Có TK Lãi cho vay phải thu: 593 triệu đồng

2, Nợ TK Ngoại bảng Lãi cho vay chưa thu được: 593 triệu đồng

C. A và B

D. Không có phương án nào riêng.

Câu 50: Ngân hàng nhận được lãi trái phiếu Chính phủ, số tiền 300 tỷ đồng. Ngân hàng đã hạch toán dự thu số lãi này. Tiền lãi được thanh toán vào tài khoản tiền gửi của Ngân hàng mở tại NHNN

A. Nợ TK Tiền gửi thanh toán mở tại NHNN: 300 tỷ đồng

Có TK Lãi đầu tư trái phiếu CP phải thu: 300 tỷ đồng

B. Nợ TK Tiền gửi thanh toán mở tại NHNN: 300 tỷ đồng

Có TK Thu lãi đầu tư trái phiếu CP: 300 tỷ đồng

C. Nợ TK Tiền gửi thanh toán của khách hàng: 300 tỷ đồng

Có TK Lãi đầu tư trái phiếu CP phải thu: 300 tỷ đồng

D. Nợ TK Lãi đầu tư trái phiếu CP phải thu: 300 tỷ đồng

Có TK Thu lãi đầu tư trái phiếu CP: 300 tỷ đồng

Câu 51: Ngân hàng thanh toán cho công ty xây dựng tiền sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở làm việc vào tài khoản tiền gửi thanh toán của công ty mở tại Ngân hàng, số tiền 2 tỷ đồng. Ngân hàng đã hạch toán toàn bộ vào chi phí sửa chữa từ năm 2014 theo công nợ phải trả

A. Nợ TK Chi phí sửa chữa TSCĐ: 2 tỷ đồng

Có TK phải trả bên ngoài: 2 tỷ đồng

B. Nợ TK Chi phí sửa chữa TSCĐ: 2 tỷ đồng

Có TK tiền gửi thanh toán của khách hàng: 2 tỷ đồng

C. Nợ TK phải trả bên ngoài: 2 tỷ đồng

Có TK tiền gửi thanh toán của khách hàng: 2 tỷ đồng

D. Nợ TK Nguyên giá TSCĐ: 2 tỷ đồng

Có TK tiền gửi thanh toán của khách hàng: 2 tỷ đồng

Câu 52: Ngân hàng nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi mở tại NHNN 6,7 tỷ đồng

A. Nợ TK Tiền mặt đang trên đường vận chuyển: 6,7 tỷ đồng

Có TK Tiền mặt: 6,7 tỷ đồng

B. Nợ TK Tiền gửi tại NHNN: 6,7 tỷ đồng

Có TK Tiền mặt đang trên đường vận chuyển: 6,7 tỷ đồng

C. Nợ TK Tiền mặt: 6,7 tỷ đồng

Có TK Tiền gửi tại NHNN: 6,7 tỷ đồng

D. A và B

Câu 53: Ngân hàng kiểm kê TSCĐ phát hiện thiếu 01 máy phát điện, giá trị trên sổ sách của tài sản là: Nguyên giá 90 triệu đồng, Hao mòn lũy kế 30 triệu đồng, Ngân hàng lập biên bản, chưa tìm được nguyên nhân.

A. Nợ TK Tài sản thiếu chờ xử lý: 90 triệu đồng

Có TK Nguyên giá TSCĐ: 90 triệu đồng

B. Nợ TK Tài sản thiếu chờ xử lý: 60 triệu đồng

Nợ TK Hao mòn lũy kế: 30 triệu đồng

Có TK Nguyên giá TSCĐ: 90 triệu đồng

C. Nợ TK Tài sản thiếu chờ xử lý: 60 triệu đồng

Có TK Nguyên giá TSCĐ: 60 triệu đồng

D. Nợ TK Tài sản thiếu chờ xử lí: 90 triệu đồng

Có TK Phải trả khác bên ngoài: 90 triệu đồng

Bài tập về báo cáo kế toán

Câu 54: Tại thời điểm 31/12, số dư cuối năm của các tài khoản thu nhập, chi phí ngân hàng như sau:

Thu lãi cho vay KH: 34 tỷ đồng; Thu phí dịch vụ thanh toán: 30 tỷ đồng; Chi lãi tiền gửi: 43 tỷ đồng; Thu lãi đầu tư chứng khoán: 4 tỷ đồng; Chi dự phòng rủi ro tín dụng: 300 triệu đồng; Chi phí quản lí: 10.940 triệu đồng; Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán: 1300 triệu đồng. Tính lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng?

A. 24.906 triệu đồng

B. 23.606 triệu đồng

C. 15.060 triệu đồng

D. 13.760 triệu đồng

Câu 55: Tổng tài sản ngân hàng tại thời điểm 31/12 theo số liệu trên BCTC ngân hàng lập là 20.030 tỷ đồng. Theo kết quả kiểm toán độc lập, kiểm toán đã phát hiện ra một số sai sót sau:

- Ngân hàng chưa trích lập đủ Dự phòng rủi ro tín dụng, số dự phòng phải trích lập bổ sung là 32 tỷ đồng.
- Ngân hàng chưa hạch toán ghi nhận số tiền in tờ rơi phải trả Công ty in, số tiền 400 triệu đồng, VAT 10%. Toàn bộ số tờ rơi ngân hàng đã nhận nhưng chưa lập Phiếu nhập kho.
- Hạch toán dự thu thiếu 01 tháng lãi đầu tư trái phiếu phải thu, số tiền 3 tỷ đồng
- Kiểm kê tiền mặt phát hiện thiếu 5 tỷ đồng, ngân hàng chưa hạch toán

Sau khi điều chỉnh các sai sót trên, tổng tài sản của ngân hàng là?

A. 19.996,44 tỷ đồng

B. 20.00,40 tỷ đồng

C. 20.001,44 tỷ đồng

D. Kết quả khác

